



dà quán

大权

noun · great power; authority

Example Sentences

Tā zhǎng wò zhe gōng sī de dà quán

他掌握着公司的大权。

He holds the great power of the company.

Dà quán zài wò de rén yīng dāng jǐn shèn xíng shì

大权在握的人应当谨慎行事。

Those who hold great power should act cautiously.

Trace each character, then write the word on your own.

大 大 大 大 大 大

权 权 权 权 权 权 权 权 权